**Hội sở**
**Địa chỉ: 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh**
**Điện thoại: (028) 62 915 916 / Fax: (028) 62 915 900 /Website: www.hdbank.com.vn**

# THỂ LỆ CHƯƠNG TRÌNH HOÀN TIỀN CHI TIÊU ONLINE VÀ ĂN UỐNG

**Hoàn tiền đến 7.200.000 đồng/năm** khi chi tiêu online và ăn uống với **HDBank EZCard (Visa Gold)** – Thẻ tín dụng lý tưởng cho thế hệ trẻ hiện đại, yêu công nghệ và trải nghiệm!

## 1. Tính năng hoàn tiền:

| Chương trình ưu đãi | Tỷ lệ hoàn tiền | Mức hoàn tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **KH có tổng doanh số giao dịch (DSGD) chi tiêu online hoặc ăn uống hợp lệ từ 10 triệu đồng/tháng trở lên.** | | | Số tiền hoàn tối thiểu của 2 danh mục online và ăn uống 50.000 đồng/tháng |
| 1. Chi tiêu online | 10% | Tối đa 400.000 đồng/tháng | |
| 2. Chi tiêu ăn uống | 8% | Tối đa 200.000 đồng/tháng | |
| **KH có tổng DSGD chi tiêu online hoặc ăn uống hợp lệ dưới 10 triệu đồng/tháng** (Loại trừ các giao dịch đã được ưu đãi tại chương trình 1) | | | |
| 1. Chi tiêu online | 6% | Tối đa 200.000 đồng/tháng | |
| 2. Chi tiêu ăn uống | 4% | Tối đa 100.000 đồng/tháng | |

*Ghi chú: Đối với chi tiêu ăn uống áp dụng các loại hình giao dịch (MCC) tại mục 3.*

- **Ví dụ 1:** KH A có tổng DSGD xét hoàn tiền trong một tháng như sau:
  + Tổng DSGD chi tiêu online: 10.000.000 đồng.
    ➔ Số tiền KH được hoàn: 400.000 đồng.
  + Tổng DSGD chi tiêu ăn uống: 10.000.000 đồng.
    ➔ Số tiền KH được hoàn: 200.000 đồng.

  Cụ thể như sau:

| Stt | Loại hình giao dịch | Chi tiêu xét hoàn tiền | Số tiền cashback (đồng) | Số tiền KH được hoàn đã xét điều kiện tối thiểu & tối đa/tháng (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 1. | Chi tiêu online | 10% x 10.000.000 | 1.000.000 | 400.000 |
| 2. | Chi tiêu ăn uống | 8% x 10.000.000 | 800.000 | 200.000 |
| **Tổng cộng** | | | | 600.000 |

- **Ví dụ 2:** KH B có tổng DSGD xét hoàn tiền trong một tháng như sau:
  + Tổng DSGD chi tiêu online: 500.000 đồng.
    ➔ Số tiền KH được hoàn: 30.000 đồng.
  + Tổng DSGD chi tiêu ăn uống: 500.000 đồng.
    ➔ Số tiền KH được hoàn: 20.000 đồng.

Cụ thể như sau:

| Stt | Loại hình giao dịch | Chi tiêu xét hoàn tiền | Số tiền cashback (đồng) | Số tiền KH được hoàn đã xét điều kiện tối thiểu & tối đa/tháng (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 1. | Chi tiêu online | 6% x 500.000 | 30.000 | 30.000 |
| 2. | Chi tiêu ăn uống | 4% x 500.000 | 20.000 | 20.000 |
| **Tổng cộng** | | | | 50.000 |

**2. Điều kiện chương trình hoàn tiền**

a. Thời gian xét ưu đãi: được tính theo tháng dương lịch kể từ ngày 01 của tháng T đến hết ngày cuối cùng của tháng T đó. HDBank thực hiện tính toán cho các giao dịch hợp lệ trong tháng T và sẽ thực hiện hoàn tiền vào tháng T+1.

b. Tổng DSGD trong tháng được xét ưu đãi là tổng DSGD có các giao dịch hợp lệ thỏa các điều kiện mục 1, DSGD được tính theo tháng và không được cộng dồn qua tháng tiếp theo. Số tiền hoàn được HDBank ghi có vào tài khoản Thẻ tín dụng của Chủ thẻ.

c. Thẻ được áp dụng ưu đãi là Thẻ không bị khóa, hủy và còn hiệu lực trong quá trình HDBank thực hiện chương trình ưu đãi.

d. Thẻ không phát sinh nợ quá hạn Thẻ từ nhóm 2 trở lên tại thời điểm hoàn tiền.

e. Không áp dụng hoàn tiền các giao dịch sau:

i. Giao dịch bị hủy/hoàn trả, giao dịch ứng/rút tiền mặt, hoàn tiền, ghi có, thanh toán dư nợ Thẻ. Trường hợp giao dịch đã được hoàn tiền, sau đó Chủ thẻ hủy/hoàn trả giao dịch, HDBank có quyền truy thu KH số tiền tương ứng với giá trị hoàn bằng cách ghi nợ vào tài khoản Thẻ tín dụng của Chủ thẻ.

ii. Các giao dịch thu phí, thu lãi, thanh toán phí/lệ phí;

iii. Giao dịch trả góp phát sinh hàng tháng;

iv. Các giao dịch bị cấm theo quy định pháp luật;

v. Các giao dịch qua ví điện tử, thanh toán qua Qrcode.

vi. Bao gồm nhưng không giới hạn các giao dịch thanh toán hóa đơn tiện ích (điện, nước, gas,…), dịch vụ quảng cáo trên các phương tiện truyền thông/mạng xã hội, các giao dịch thuộc danh sách MCC loại trừ của HDBank (Các mã MCC này sẽ được TTT xem xét, đánh giá điều chỉnh/bổ sung theo từng thời kỳ áp dụng), chi tiết tại mục 4.

vii. Các giao dịch phát sinh do sự cố hệ thống và các giao dịch khác do HDBank quy định từng thời kỳ.

viii. Thời gian căn cứ để xác định Chủ thẻ thực hiện giao dịch: là thời điểm giao dịch của Thẻ được cấp phép thành công và ghi nhận trên hệ thống theo giờ hệ thống Thẻ HDBank.

ix. Việc xác định giao dịch phát sinh có gian lận sẽ xử lý theo quy định của HDBank và quy định pháp luật hiện hành

x. HDBank có quyền truy thu toàn bộ số tiền đã hoàn ngay khi phát hiện có bất kỳ sự gian lận và lạm dụng liên quan đến số tiền hoàn, hoặc Chủ thẻ vi phạm bất kỳ điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng Thẻ của HDBank trong từng thời kỳ.

xi. HDBank có quyền bổ sung và thay thế những mã MCC áp dụng cho chương trình mà không cần phải báo trước cho KH. Trường hợp có sự thay đổi sẽ được HDBank thông báo trên website https://hdbank.com.vn.

xii. MCC được ghi nhận trên hệ thống HDBank là căn cứ hoàn tiền. HDBank không có trách nhiệm hoàn tiền trong trường hợp mã MCC của Người bán không đúng/phù hợp với mã MCC được hoàn tiền theo chương trình hoặc giao dịch có MCC không đúng ngành nghề hoạt động thực tế.

xiii. Trong trường hợp chương trình có mâu thuẫn với bất kì quy định pháp luật hay chỉ thị của bất kỳ cơ quan nhà nước nào, chương trình sẽ được thay đổi, hủy bỏ hay sửa đổi để phù hợp với quy định của luật, chỉ thị đó.

xiv. KH tham gia chương trình đồng ý nhận các thông báo ưu đãi qua các kênh truyền thông (như SMS/email/Banner điện tử/các trang mạng xã hội,…) của HDBank và đối tác thứ ba để truyền thông cho chương trình.

xv. HDBank được quyền chủ động sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại. Thể lệ chương trình khuyến mại sau sửa đổi, bổ sung sẽ được áp dụng kể từ ngày HDBank thông báo trên website https://hdbank.com.vn.

f. Các trường hợp không được nhận ưu đãi Thẻ tín dụng HDBank

i. Thẻ, Chủ thẻ thuộc danh sách nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật, có hành vi giao dịch Thẻ không đúng mục đích sử dụng Thẻ:

- HDBank có toàn quyền từ chối hoàn tiền cho KH trong trường hợp HDBank nghi ngờ Thẻ, Chủ thẻ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật hoặc sử dụng Thẻ không đúng bản chất giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ phục vụ mục đích tiêu dùng hợp pháp.
- HDBank có quyền yêu cầu Chủ thẻ cung cấp hóa đơn, chứng từ giao dịch Thẻ và/ hoặc hóa đơn, chứng từ có liên quan đến giao dịch Thẻ theo quy định pháp luật hoặc bằng chứng khác nhằm chứng minh tính hợp lệ, hợp pháp, mục đích của giao dịch Thẻ để được ưu đãi hoàn tiền.
- HDBank có quyền quyết định giao dịch mua hàng của KH có đủ điều kiện để được nhận ưu đãi hay không.

ii. Các giao dịch không hợp lệ khác do HDBank quy định từng thời kỳ.

**3. Bảng danh sách MCC ăn uống:**

| Loại hình giao dịch | MCC | Tên hạng mục hàng hóa (EN) |
|---|---|---|
| Ăn uống | 5811 | Caterers |
| | 5812 | Eating Places, Restaurants |
| | 5813 | Bars, Cocktail Lounges, Discotheques, Nightclubs, And Taverns - Drinking Places (Alcoholic Beverages) |
| | 5814 | Fast Food |
| | 5462 | Bakeries |

**4. Danh sách MCC loại trừ áp dụng chương trình ưu đãi bao gồm:**

| STT | Loại hình giao dịch (MCC) | Tên hạng mục hàng hóa (ENG) |
|---|---|---|
| 1. | 4829 | Wire tranfers money orders |
| 2. | 6050 | Quasi cash - Member Financil Institutions |
| 3. | 6051 | Non - Financial Institution - foreign currency, money orders, travelers' cheques |
| 4. | 6010 | Manual cash disbursements |
| 5. | 6011 | Automated cash disbursements |
| 6. | 6211 | Security brokers and dealers |
| 7. | 6538 | MoneySend Funding |
| 8. | 7801 | Government Licensed On – Line Casinos (On – Line Gambling) |
| 9. | 7802 | Government – Licensed Horse/Dog racing |
| 10. | 7995 | Betting including lottery tickets, casino gaming chips, off-track betting and wagers at race tracks |
| 11. | 9754 | Gambling – Horse racing/Dog racing |
| 12. | 6513 | Real estate agents and managers – rentals |
| 13. | 7399 | Business services (Not elsewhere classified) |
| 14. | 5968 | Direct Marketing |
| 15. | 5969 | Direct Marketing |
| 16. | 4900 | Utilities, electric, gas, water |
| 17. | 4814 | Telecommunication Service |
| 18. | 4899 | Cable, Satellite and Other pay television and radio services |
| 19. | 9311 | Tax Payments |
| 20. | 7800 | Government-Owned Lotteries (US Region only) |
| 21. | 9211 | Court Costs, Including Alimony and Child Support |
| 22. | 9222 | Fines |
| 23. | 9223 | Bail and Bond Payments |
| 24. | 6012 | Financial Institutions – Merchandise, Services, and Debt Repayment |
| 25. | 5960 | Direct Marketing |
| 26. | 7311 | Advertising service |

Lưu ý: Các mã MCC áp dụng cho chương trình sẽ được HDBank đánh giá, điều chỉnh/bổ sung cho phù hợp trong từng thời kỳ triển khai chương trình.